

Số: /2026/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật,
nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm,
hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 70/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 78/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Đo lường số 04/2011/QH13;

*Căn cứ Nghị định số 86/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường;*

*Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và
Quy chuẩn kỹ thuật;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản
phẩm hàng hóa;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số
253/TTr-SKHCN ngày 05/8/2026.*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành quy định quản lý về tiêu
chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm,
hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý về tiêu
chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm,
hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ
quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện, thường xuyên theo dõi, đánh giá
việc thực hiện Quyết định này và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2026, bãi bỏ
Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh
Đắk Lắk ban hành quy định công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn
kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa
bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ KH&CN (để b/c);
- Vụ Pháp chế - Bộ KHCN;
- Cục KTVB và TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (để kiểm tra);
- Các sở, ban, ngành;
- Báo và PTTH Đắk Lắk;
- UBND các xã, phường;
- Các phòng thuộc VP UBND tỉnh;
- Trung tâm CN&CTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_{Tien}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Thị Nguyên Thảo

QUY ĐỊNH

Quản lý về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định công tác quản lý về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Những nội dung liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Luật Đo lường và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành có chức năng quản lý về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa (gọi tắt là sở quản lý chuyên ngành).

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường (gọi tắt là UBND cấp xã).

3. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT

Điều 3. Xây dựng, công bố tiêu chuẩn cơ sở

1. Tiêu chuẩn cơ sở do người đứng đầu tổ chức kinh tế, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (gọi tắt là cơ sở) tổ chức xây dựng và công bố bằng văn bản để áp dụng trong các hoạt động của cơ sở.

2. Căn cứ xây dựng tiêu chuẩn cơ sở

a) Các tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực hoặc nước ngoài tương ứng được khuyến khích sử dụng để xây dựng hoặc chấp nhận thành tiêu chuẩn cơ sở.

b) Các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, kết quả thử nghiệm, đánh giá, phân tích, thực nghiệm của cơ sở hoặc các tổ chức có năng lực.

c) Tiến bộ kỹ thuật, kinh nghiệm, nhu cầu và khả năng thực tiễn của cơ sở.

3. Yêu cầu đối với tiêu chuẩn cơ sở

a) Tiêu chuẩn cơ sở không được trái với quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật hiện hành;

b) Tiêu chuẩn cơ sở cần được xây dựng phù hợp với trình độ tiến bộ khoa học và công nghệ, đáp ứng được yêu cầu quản lý, sản xuất kinh doanh của cơ sở.

4. Tổ chức, cá nhân công bố tiêu chuẩn cơ sở qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố tiêu chuẩn cơ sở.

Điều 4. Xây dựng, thẩm định ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương

1. Các sở quản lý chuyên ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực được phân công quản lý và nhu cầu xây dựng mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, đề xuất kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương cho năm sau bằng văn bản gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt. Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân tỉnh giao sở quản lý chuyên ngành tham mưu tổ chức xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương đối với lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

2. Căn cứ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

a) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

b) Tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài.

c) Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, kết quả thử nghiệm, đánh giá, phân tích, thực nghiệm, kiểm tra, giám định.

3. Sở quản lý chuyên ngành tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 5. Công bố tiêu chuẩn áp dụng

1. Công bố tiêu chuẩn áp dụng là việc tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thông báo tiêu chuẩn áp dụng với các đặc tính cơ bản của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường.

Tiêu chuẩn công bố áp dụng có thể bao gồm: tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở.

2. Việc công bố tiêu chuẩn áp dụng được thực hiện thông qua hình thức ghi số hiệu tiêu chuẩn được áp dụng hoặc các đặc tính cơ bản trên nhãn hoặc bao gói sản phẩm, hàng hóa, hoặc trong các tài liệu hướng dẫn, giới thiệu kèm theo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường và các hình thức thích hợp khác.

3. Công bố tiêu chuẩn áp dụng là bắt buộc đối với mọi tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường.

Điều 6. Công bố hợp chuẩn

1. Công bố hợp chuẩn là hoạt động tự nguyện, đối tượng của công bố hợp chuẩn là sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường hoặc các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội được quy định trong tiêu chuẩn tương ứng.

2. Tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn, liệt kê các tiêu chuẩn áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường hoặc các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội của mình trong bản thông báo công bố hợp chuẩn và thông báo bản công bố hợp chuẩn qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

3. Tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn có trách nhiệm chấp hành các quy định về công bố hợp chuẩn; bảo đảm sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường đã công bố phù hợp với tiêu chuẩn áp dụng và chịu trách nhiệm về nội dung công bố.

Điều 7. Công bố hợp quy

1. Công bố hợp quy là hoạt động bắt buộc đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường hoặc các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành hoặc được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành (trừ trường hợp được miễn công bố hợp quy theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 70/2025/QH15).

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm, hàng hóa đăng ký bản công bố hợp quy qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

3. Tổ chức, cá nhân đăng ký công bố hợp quy có trách nhiệm chấp hành các quy định về công bố hợp quy; duy trì sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung bản đăng ký công bố hợp quy.

Điều 8. Hoạt động đánh giá sự phù hợp

1. Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý hoạt động đánh giá sự phù hợp thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ và lĩnh vực đa ngành; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan

hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về hoạt động đánh giá sự phù hợp, tổng hợp tình hình hoạt động của các tổ chức đánh giá sự phù hợp trên địa bàn tỉnh, phối hợp xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định.

2. Các sở quản lý chuyên ngành chủ trì thực hiện quản lý hoạt động đánh giá sự phù hợp thuộc phạm vi quản lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật của các tổ chức hoạt động đánh giá sự phù hợp.

3. Các tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động trên địa bàn tỉnh phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và các quy định pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm về tính chính xác, khách quan của kết quả do tổ chức mình thực hiện và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Mục 2

NHÃN HÀNG HÓA

Điều 9. Nhãn hàng hóa

1. Hàng hóa lưu thông, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phải có nhãn hàng hóa, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Nội dung và cách trình bày nhãn hàng hóa thực hiện theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định này.

3. Đối với hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định này.

4. Hàng hóa có mức độ rủi ro thấp, trung bình, cao được quy định tại Điều 14 của Quy định này.

Mục 3

ĐO LƯỜNG

Điều 10. Chuẩn đo lường

1. Chuẩn đo lường dùng để kiểm định phương tiện đo phải được hiệu chuẩn bắt buộc tại tổ chức hiệu chuẩn được chỉ định theo quy định (trừ trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 22 Luật Đo lường số 04/2011/QH13).

2. Việc quản lý đối với chuẩn đo lường được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường và Nghị định số 105/2016/NĐ-CP

quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 36/2026/NĐ-CP.

Điều 11. Phương tiện đo

1. Đối với phương tiện đo nhóm 1:

a) Yêu cầu kỹ thuật đo lường cơ bản của phương tiện đo phải được thể hiện trên phương tiện đo hoặc ghi trên nhãn hàng hóa, tài liệu đi kèm.

b) Cấu trúc của phương tiện đo phải bảo đảm ngăn ngừa sự can thiệp dẫn đến làm sai lệch kết quả đo.

c) Đặc tính kỹ thuật đo lường của phương tiện đo phải phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường đã được tổ chức, cá nhân công bố hoặc do cơ quan quản lý nhà nước về đo lường có thẩm quyền quy định áp dụng.

d) Được kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

đ) Việc kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 1 do tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng phương tiện đo lựa chọn, quyết định thực hiện tại tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 25 của Luật Đo lường số 04/2011/QH13.

2. Đối với phương tiện đo nhóm 2:

a) Đáp ứng yêu cầu quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này.

b) Phải được kiểm soát về đo lường bằng một hoặc một số biện pháp sau đây:

- Phê duyệt mẫu khi sản xuất, nhập khẩu.
- Kiểm định ban đầu trước khi đưa vào sử dụng.
- Kiểm định định kỳ trong quá trình sử dụng.
- Kiểm định sau sửa chữa.

3. Việc phê duyệt mẫu, kiểm định phương tiện đo nhóm 2 thực hiện theo quy định tại Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN; Thông tư số 03/2024/TT-BKHCN và Thông tư số 04/2026/TT-BKHCN.

Điều 12. Hàng đóng gói sẵn theo định lượng

1. Hàng đóng gói sẵn theo định lượng phải phù hợp với thông tin ghi trên nhãn hàng hóa hoặc tài liệu đi kèm và phải phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh công bố hoặc do cơ quan quản lý nhà nước về đo lường có thẩm quyền quy định.

2. Hàng đóng gói sẵn theo định lượng nhóm 2 phải phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường, tuân thủ quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa và phải có dấu định lượng trên nhãn hàng hóa theo quy định.

Điều 13. Hoạt động của các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

1. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan quản lý nhà nước về đo lường trên địa bàn tỉnh; tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý hoạt động của các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đo lường.

2. Các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được chỉ định phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đo lường và chịu sự quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về đo lường tại địa phương.

3. Việc quản lý hoạt động đối với các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 54/2025/TT-BKHCHN quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; Nghị định số 105/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 36/2026/NĐ-CP.

Mục 4

CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Điều 14. Phân loại mức độ rủi ro các sản phẩm, hàng hóa

Các sở quản lý chuyên ngành chủ trì xác định mức độ rủi ro của sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 15. Ứng dụng công nghệ trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, hướng dẫn, triển khai ứng dụng công nghệ số, mã số mã vạch, nhãn điện tử và các giải pháp công nghệ trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

2. Các sở quản lý chuyên ngành và cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai ứng dụng công nghệ trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý.

3. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa thực hiện áp dụng giải pháp công nghệ số, mã số mã vạch, nhãn điện tử và hệ thống truy xuất nguồn gốc phù hợp với sản phẩm, hàng hóa; bảo đảm thông tin về sản phẩm, hàng hóa được cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời.

4. Tổ chức cung cấp giải pháp công nghệ, dịch vụ truy xuất nguồn gốc có trách nhiệm bảo đảm tính an toàn, bảo mật, thông tin dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Truy xuất nguồn gốc và minh bạch chuỗi cung ứng sản phẩm, hàng hóa

1. Truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa nhằm bảo đảm khả năng nhận diện, theo dõi và kiểm soát thông tin trong quá trình sản xuất, lưu thông và phân phối sản phẩm, hàng hóa.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa có trách nhiệm thiết lập, duy trì và cung cấp thông tin phục vụ truy xuất nguồn gốc; bảo đảm thông tin đầy đủ, chính xác, trung thực theo quy định.

3. Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phải bảo đảm tính liên thông, khả năng thu thập, chia sẻ và khai thác thông tin; đáp ứng yêu cầu kết nối với Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

Điều 17. Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Các sở quản lý chuyên ngành thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường, trong quá trình sử dụng có khả năng gây mất an toàn trong lĩnh vực được phân công quản lý theo quy định của pháp luật.

Mục 5

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 18. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

1. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa có liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có trách nhiệm:

a) Công bố tiêu chuẩn áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường.

b) Công bố sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

c) Kinh doanh sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường được công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy theo quy định.

d) Bảo đảm sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đã công bố.

đ) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa có liên quan đến nhãn hàng hóa có trách nhiệm:

a) Có đầy đủ nhãn hàng hóa theo quy định.

b) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra nhà nước về nhãn hàng hóa của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa có trách nhiệm:

a) Phải tự công bố các đặc tính cơ bản, thông tin cảnh báo, số hiệu tiêu chuẩn trên hàng hóa hoặc bằng một trong các hình thức sau đây:

- Trên bao bì hàng hóa;
- Trên nhãn hàng hóa;
- Trên tài liệu kèm theo sản phẩm, hàng hóa.

b) Cung cấp cho khách hàng những sản phẩm, hàng hóa hợp pháp, bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn đã công bố và quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; phải chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã cung cấp cho khách hàng theo quy định của pháp luật.

c) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh, sử dụng phương tiện đo có trách nhiệm:

a) Sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo theo mẫu đã được phê duyệt.

b) Kinh doanh phương tiện đo đã được phê duyệt mẫu theo quy định.

c) Bảo đảm điều kiện theo quy định để người có quyền và nghĩa vụ liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện phép đo, phương pháp đo, phương tiện đo, chuẩn đo lường, lượng hàng hóa.

d) Bảo đảm lượng của hàng hóa trong mua bán, giao dịch đáp ứng yêu cầu về đo lường theo quy định.

đ) Sử dụng phương tiện đo nhóm 2 phải thực hiện việc kiểm định bắt buộc theo quy định.

e) Có đầy đủ trang thiết bị đo lường đạt tiêu chuẩn tại các địa điểm kinh doanh theo đúng quy định.

g) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

5. Các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được chỉ định có trách nhiệm:

a) Thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trong phạm vi, lĩnh vực được chỉ định.

b) Bảo đảm trình tự, thủ tục kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

6. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng đóng gói sẵn theo định lượng có trách nhiệm:

a) Thông tin trung thực về lượng của hàng đóng gói sẵn, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đo lường theo quy định.

b) Phải thể hiện dấu định lượng trên nhãn hàng hóa của hàng đóng gói sẵn nhóm 2 theo quy định.

c) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 19. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng đầu mối thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại địa phương.

b) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn kiến thức, pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

c) Kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực được phân công, phân cấp. Hằng năm tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

d) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo thẩm quyền.

đ) Thực hiện việc khảo sát chất lượng sản phẩm hàng hóa trên địa bàn và cảnh báo cho các cơ quan chuyên môn về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; thực hiện chức năng kiểm tra chuyên ngành về đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn.

e) Tổng hợp, báo cáo tình hình quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo phân cấp quản lý trên địa bàn tỉnh cho Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Các sở quản lý chuyên ngành

a) Thực hiện quản lý về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện những quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi, lĩnh vực được phân công quản lý.

c) Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa và chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo phân cấp quản lý.

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành thực hiện kiểm tra nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

e) Tổ chức đánh giá, thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý và kết luận bằng văn bản theo yêu cầu để làm cơ sở cho việc xử lý của các cơ quan chức năng.

g) Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất báo cáo công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa và chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo phân cấp quản lý cho Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn kiến thức, pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo thẩm quyền trên địa bàn quản lý; cảnh báo công khai trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý đối với sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao hoặc có dấu hiệu vi phạm chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan liên quan thực hiện kiểm tra tại các chợ, trung tâm thương mại, điểm bán buôn, bán lẻ khác trên địa bàn đối với phép đo, phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn theo thẩm quyền.

c) Phối hợp với lực lượng quản lý thị trường và cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa các cấp kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường; phát hiện, ghi nhận thông tin ban đầu và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền khi có dấu hiệu vi phạm về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

d) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo thẩm quyền trên địa bàn quản lý.

đ) Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn quản lý cho Sở Khoa học và Công nghệ.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và phối hợp với các sở quản lý chuyên ngành về hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Các sở quản lý chuyên ngành, UBND cấp xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý.

3. Các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có những nội dung chưa phù hợp cần bổ sung, sửa đổi, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

5. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại quyết định này có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó./.